

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 -2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H; địa chỉ: Thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Đức H; địa chỉ: Thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và Lương Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2006. Sau kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, bất hòa. Chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, hai bên sống ly thân không còn quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Đức H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Lương Thùy D, sinh ngày 14/5/2007 và Lương Quang L, sinh ngày 21/11/2012. Ly hôn đề nghị Tòa án giao hai con chung Lương Thùy D và Lương Quang L cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn. Hiện tại chị làm công nhân có thu nhập đảm bảo nuôi con chung. Anh H yêu cầu nuôi 01 con chung chị không chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lương Quang L cho chị số tiền 2.000.000đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh H có tài sản chung là diện tích đất 116,5m² và 01 nhà 01 tầng, các công trình xây dựng khác trên đất tại thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966183 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/11/2008 mang tên Trần Thị H. Nguồn gốc đất là do chị và anh H nhận chuyển nhượng của người khác sau khi mua đất vợ chồng xây nhà và các công trình trên đất như hiện nay. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng. Trường hợp anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là nhà đất trên quan điểm của chị đề nghị Tòa án giao cho anh H quản lý, sử dụng diện tích đất 113,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền trị giá 1/2 tài sản chung của vợ chồng theo kết quả xem xét thẩm định và định giá của Hội đồng định giá.

Về số tiền vay nợ: Quá trình chung sống chị và anh H còn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Bắc An Hưng Hải Phòng - PGD Quán Toan số tiền 30.000.000đồng, vay bà Hoàng Thị Tuất là mẹ đẻ chị 40.000.000đồng. Hiện tại chị đã thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền trên. Về khoản tiền chị đã thanh toán cho Ngân hàng và khoản vay của bà Tuất chị và anh H thỏa thuận tự thanh toán với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lương Đức H trình bày:

Anh H xác định lời trình bày của chị Trần Thị H về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân. Việc chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung họ tên ngày tháng năm sinh con chung chị H trình bày là đúng. Ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung Lương Thùy D cho chị H nuôi dưỡng, giao con chung Lương Quang L cho anh nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung anh không chấp nhận. Hiện tại anh làm tự do có thu nhập đảm bảo nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh và chị H tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị H có tài sản chung là diện tích đất 116,5m² và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3, diện tích sử dụng 96m², mái bê tông cốt thép, 1 tầng, xây dựng năm 2018 tại thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966183 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/11/2008 mang tên chị Trần Thị H. Nguồn gốc đất và tài sản trên đất là do anh và chị H mua từ năm 2018. Sau đó vợ chồng xây nhà và các công trình trên đất như hiện nay. Ly hôn anh có quan điểm đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng cho anh và chị H mỗi bên được hưởng 1/2 trị giá tài sản và đề nghị giao cho anh được tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 113,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất nêu trên, anh sẽ có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch chia tài sản chung là nhà đất cho chị Trần Thị H 1/2 trị giá tài sản theo kết quả xem xét thẩm định và định giá của Hội đồng định giá. Ngoài nhà đất anh không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nào khác.

Về nợ chung, số tiền chị H đã trả cho Ngân hàng: Anh thống nhất với quan điểm chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lương Đức H. Về con chung: Giao con chung Lương Thùy D, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, giao con chung Lương Quang L, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Lương Đức H nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Giao cho anh H quản lý sử dụng diện tích đất 113,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Lương Đức H có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị H số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 1/2 trị giá tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H phải chịu án phí ly hôn và chia tài sản chung sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lương Đức H, địa chỉ: Thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Trần Thị H và anh Lương Đức H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng thể hiện trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Trần Thị H, anh Lương Đức H đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lương Đức H.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H có hai con chung Lương Thùy D, sinh ngày 14/5/2007 và Lương Quang L, sinh ngày 21/11/2012. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn và yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lương Quang L cho chị 2.000.000đ/01tháng. Anh H đề nghị Tòa án giao con chung Lương Quang L cho anh H nuôi dưỡng, giao con chung Lương Thùy D cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập chị H, anh H đều là công nhân có thu nhập điều kiện nuôi dưỡng con chung là ngang nhau. Tuy nhiên, hiện tại chị H đang thuê nhà trọ ở mặc dù hai con chung đều có nguyện vọng được ở với chị H. Nhưng để bảo đảm việc nuôi dưỡng các con chung nên giao con chung Lương Quang L cho anh H nuôi dưỡng, giao con chung Lương Thùy D cho chị H nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Quan điểm của chị H yêu cầu được nuôi 2 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung Lương Quang Long cho chị H không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, lời khai của đương sự xác định quá trình chung sống chị H và anh H có khối tài sản chung là nhà đất tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc tài sản là do chị H và anh H tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966183 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/11/2008 mang tên chị Trần Thị H thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có diện tích 116,5m². Theo kết quả xem xét thẩm định tài sản của Tòa án, căn cứ vào kết quả đo đạc, khảo sát của Công ty TNHH thiết bị và đo đạc Hải Phòng diện tích đất do anh H đang quản lý, sử dụng có vị trí kích thước sau: Phía bắc giáp ngõ xóm dài 8 m, phía nam giáp hộ bà Tỳ dài 7m; phía tây giáp hộ bà Cưng dài 14,8m; phía đông giáp ông Bình (nay là ông Thủy) dài 14,3m. Tổng diện tích đất 113,5m², trên thửa đất có một số tài sản gồm 01 nhà 01 tầng mái bê tông cốt thép, tường gạch chỉ 220, xây dựng năm 2018, tường bao, nhà vệ sinh, sân, cổng.

[7] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 966183 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/11/2008 mang tên chị Trần Thị H có diện tích 116,5m² tuy nhiên căn cứ vào kết quả đo đạc khảo sát hiện trạng thực tế diện tích đất anh H đang sử dụng có diện tích 113,5m² giảm so với diện tích đất chị Huân, anh H được nhà nước giao 03m². Theo cung cấp của UBND xã Lê Thiện, huyện An Dương việc thiếu hụt diện tích đất trên là do sai số trong quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận trước đây.

[8] Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh H không có ý kiến gì về kết quả thẩm định tại chỗ tài sản, định giá đất và trị giá các công trình trên đất. Tại phiên tòa chị H, anh H thống nhất đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất trên cho anh H sử dụng, anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị H 1/2 trị giá nhà đất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá. Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trị giá đất thực tế tại thời điểm Hội đồng định giá làm việc có giá 6.000.000đ/1m² x 113,5m = 681.000.000đồng trị giá các công trình xây dựng trên đất 582.211.619đồng. Tổng trị giá tài sản chung của chị H, anh H 1.263.211.619đồng.

[9] Xét quan điểm của chị H và anh H là tự nguyện, phù hợp với quy định nên giao toàn bộ tài sản chung của chị H, anh H là diện tích đất 113,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có vị trí kích thước: Phía bắc giáp ngõ xóm dài 8m, phía nam giáp hộ bà Tỳ dài 7m; phía tây giáp hộ bà Cưng dài 14,8m; phía đông giáp ông Bình (nay là hộ ông Thủy) dài 14,3m. Tổng diện tích đất 113,5m²(có sơ đồ hiện trạng kèm theo). Trị giá tài sản chung giao cho anh H quản lý là 1.263.211.619đồng.

[10] Anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền trị giá 1/2 tài sản chung là 1.263.211.619đồng : 2 = 631.605.809đồng. Trị giá tài sản chung chị H, anh H mỗi người được hưởng là 631.605.809đồng.

Người được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai theo quy định của pháp luật.

[11] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H, anh H tự nguyện chịu không yêu cầu xem xét giải quyết.

[12] Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh H trình bày trong thời gian chung sống còn nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 30.000.000đồng và nợ của bà Hoàng Thị Tuất 40.000.000đồng. Đối với số tiền nợ của Ngân hàng chị H đã thanh toán xong cho Ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết để chị và anh H tự thỏa thuận. Số nợ của bà Tuất, bà Tuất có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này các bên có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[13] Về án phí: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung theo quy định.

[14] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Các điều 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lương Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Thùy D, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, giao con chung Lương Quang L, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Lương Đức H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Giao cho anh Lương Đức H quản lý sử dụng diện tích đất 113,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà 01 tầng và các công

trình xây dựng kèm theo tại thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có vị trí, kích thước như sau: Phía bắc giáp ngõ xóm dài 8m, phía nam giáp hộ bà Tỳ dài 7m; phía tây giáp hộ bà Cụng dài 14,8m; phía đông giáp ông Bình (nay là ông Thủy) dài 14,3m.(có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Anh Lương Đức H có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị H số tiền chia tài sản chung 631.605.809đồng. Trị giá tài sản anh H được hưởng là 631.605.809đồng, chị Trần Thị H được nhận từ anh Lương Đức H số tiền chia tài sản chung 631.605.809đồng.

Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn và 29.264.232đồng án phí chia tài sản chung sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp 29.339.232đồng. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp (biên lai thu tiền số 0004220 ngày 05 tháng 7 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H phải nộp tiếp số tiền 29.039.232đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Anh Lương Đức H phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung sơ thẩm 29.264.232đồng. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp 29.339.232đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản anh H đã nộp số tiền 13.000.000đồng (biên lai thu tiền số 0004243 ngày 25 tháng 7 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh H phải nộp tiếp số tiền chia tài sản chung 16.339.232đồng vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Phúc Xuân, Tp Thái Nguyên

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐKKH số 25/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

14,3m. Tổng diện tích đất 113,5m²(có sơ đồ hiện trạng kèm theo). Trị giá tài sản chung giao cho anh H quản lý là 1.263.211.619đồng.

[10] Anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền trị giá 1/2 tài sản chung là 1.263.211.619đồng : 2 = 631.605.809đồng. Trị giá tài sản chung chị H, anh H mỗi người được hưởng là 631.605.809đồng.

Người được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai theo quy định của pháp luật.

[11] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H, anh H tự nguyện chịu không yêu cầu xem xét giải quyết.

[12] Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh H trình bày trong thời gian chung sống còn nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 30.000.000đồng và nợ của bà Hoàng Thị Tuất 40.000.000đồng. Đối với số tiền nợ của Ngân hàng chị H đã thanh toán xong cho Ngân hàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết để chị và anh H tự thỏa thuận. Số nợ của bà Tuất, bà Tuất có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này các bên có tranh chấp Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[13] Về án phí: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung theo quy định.

[14] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Các điều 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lương Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Thùy Dung, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, giao con chung Lương Quang Long, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Lương Đức H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các đương sự có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Giao cho anh Lương Đức H quản lý sử dụng diện tích đất 113,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà 01 tầng và các công

trình xây dựng kèm theo tại thửa đất số 828A, tờ bản đồ số 03 tại thôn Kim Sơn, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có vị trí, kích thước như sau: Phía bắc giáp ngõ xóm dài 8m, phía nam giáp hộ bà Tỳ dài 7m; phía tây giáp hộ bà Cụng dài 14,8m; phía đông giáp ông Bình (nay là ông Thủy) dài 14,3m.(có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Anh Lương Đức H có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị H số tiền chia tài sản chung 631.605.809đồng. Trị giá tài sản anh H được hưởng là 631.605.809đồng, chị Trần Thị H được nhận từ anh Lương Đức H số tiền chia tài sản chung 631.605.809đồng.

Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn và 29.264.232đồng án phí chia tài sản chung sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp 29.339.232đồng. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp (biên lai thu tiền số 0004220 ngày 05 tháng 7 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H phải nộp tiếp số tiền 29.039.232đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Anh Lương Đức H phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung sơ thẩm 29.264.232đồng. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp 29.339.232đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản anh H đã nộp số tiền 13.000.000đồng (biên lai thu tiền số 0004243 ngày 25 tháng 7 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh H phải nộp tiếp số tiền chia tài sản chung 16.339.232đồng vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Lương Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Phúc Xuân, Tp Thái Nguyên

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐKKH số 25/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi Đỗ Văn Thư

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nhàn Đỗ Văn Thư

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Hồng (ĐKKH số 79 ngày 16/10/2007);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nhàn Vũ Văn Thi

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Hòa (ĐKKH số 51 ngày 22/7/2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Thường Vũ Văn Thi

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Hồng Phong (Nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP (nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

